

Số: 198/2018/QĐST-HNGĐ

Thái Thụy, ngày 24 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 308a/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa những người yêu cầu:

1. Anh: Nguyễn Duy S, sinh năm 1990

Trú tại: thôn P, xã T.P, huyện TT, tỉnh TB.

2. Chị: Tạ Thị Nhài, sinh năm 1989

Trú tại: thôn Đ, xã T.A, huyện TT, tỉnh TB

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2015 tại xã T.P, huyện TT, tỉnh TB. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay, mỗi người một nơi, đến nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh S và chị N có 02 con chung là Nguyễn Duy Gia P1, sinh ngày 16/11/2016 và Nguyễn Duy Gia P2, sinh ngày 16/11/2016. Hai bên thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị N mỗi tháng 1.500.000 đồng cho một con chung (tổng là 3.000.000 đồng) cho đến khi hai con chung thành

niên, anh S có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung: Anh S và chị N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh S và chị N thống nhất anh S sẽ chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản khi ly hôn không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh S và chị N
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh S và chị N có 02 con chung là Nguyễn Duy Gia P1, sinh ngày 16/11/2016 và Nguyễn Duy Gia P2, sinh ngày 16/11/2016. Hai bên thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị N mỗi tháng 1.500.000 đồng cho một con chung (tổng là 3.000.000 đồng) cho đến khi hai con chung thành niên, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2019. Anh S có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Anh S và chị N không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về lệ phí Anh Nguyễn Duy S nhận chịu cả 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Son đã nộp tạm ứng lệ phí tại biên lai thu số 0001648 ngày 14/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành lệ phí, anh S đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKDND huyện Thái Thụy
- Chi cục THA huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh TB
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thế Tương